

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 18- 6- 2019
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quang Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan; bà Võ Thị Minh Nguyệt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lệ Thanh thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường xét xử A của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2018/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Chị Ph Ng B L** - sinh năm: 1985; Trú tại: Số nhà .. ấp B L, xã G T, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai;

- **Bị đơn:** **Anh Ng M Tr** - sinh năm: 1985; Trú tại: Số nhà G ấp V D, xã G K, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có mặt; anh Tr vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ph Ng B L trình bày:

Chị và anh Tr quen nhau được gần một năm thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/02/2014 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau được khoảng gần hai năm, đời sống chung thời gian đầu hạnh phúc, nhưng khoảng 02 (hai) năm trở lại đây chị và anh Tr đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng trái ngược nhau, do anh Tr ham chơi, không tạo lập kinh tế gia đình, không có trách nhiệm với gia đình, nhiều lần chị L phải trả nợ do anh Tr gây ra. Từ tháng 11/2016 đến nay vợ chồng không còn sống chung, chị L về nhà cha mẹ ruột tại địa chỉ 1 ấp B L, xã G T. Thời gian không sống chung hai gia đình cũng có hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được để về đoàn tụ.

Về con chung: Chị và anh Tr chưa có con chung.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Ng M Tr khai: anh và chị L quen nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Kiệm như chị L khai là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên nhà nội được khoảng 18 tháng thì chị L về bên ngoại sống được 4 tháng thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do một phần anh ăn chơi gây nợ nần chị L phải trả nợ, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không sống chung từ tháng 10/2016 đến nay là đúng, nay anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L nhưng anh theo đạo nên anh không đồng ý ký vào đơn thuận tình ly hôn, anh đề nghị tòa án xét xử vụ kiện anh xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Anh và chị L chưa có con chung.

Về tài sản: anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành, không đến Tòa án làm việc;

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ph Ng B L. Chị L và anh Tr được ly hôn, chị L phải chịu án phí DSST Theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Chị Ph Ng B L và anh Ngu M Tr có đăng ký kết hôn, nay chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ng M Tr, nên đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn anh Ngu M Tr cư trú tại số nhà ấp V D, xã G K, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Ngu Mi Tr:

Tại phiên tòa anh Tr vắng mặt nhưng trước đó anh có “Đơn đề nghị xét xử vắng mặt” nên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Ngu M Tr.

[2] Về nội dung:

Chị L và anh Tr xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 15/02/2014 tại UBND xã G K, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9;11;12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2.1] Về yêu cầu ly hôn của chị L:

Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, từ ngày 10 tháng 10 năm 2016 cho đến nay vợ chồng không sống chung với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Lời trình bày của chị L được anh Tr xác định là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của chị L là có căn cứ.

Từ ngày thụ lý vụ án ngày 17/12/2018 Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Tr đến để Tòa án tiến hành hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng anh Tr không đến. Từ đó cho thấy anh Tr cũng không có thiện chí để hàn gắn gia đình.

Từ đó Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị L và anh Tr đã kéo dài gần ba năm, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Xử cho chị L và anh Tr ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: chị Li và anh Tr khai vợ chồng chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[2.3] Về tài sản: Chị Ph Ng B L, anh Ngu Mi Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét chị L phải chịu án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 9;11;12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 51; 56; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, các Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph Ng Bí L.

Về hôn nhân: Chị Ph Ng Bí L và anh Ngu M Tr được ly hôn.

Về con chung: chị Liễu và anh Triều chưa có con chung

Về tài sản: Chị L, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Ph Ng Bí L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp tại biên lai số 001549 ngày 17/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã Gia Kiệm;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Đặng Quang Phúc

